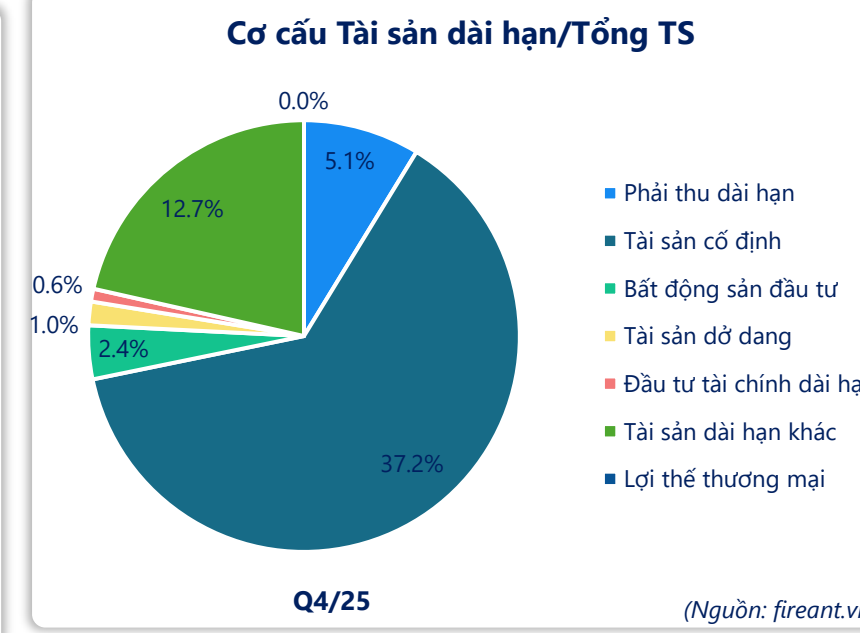
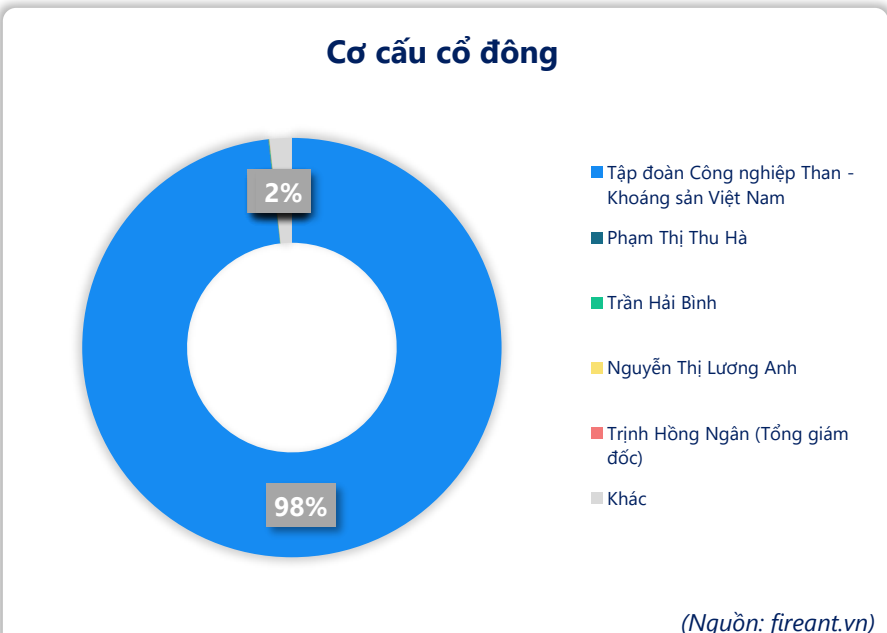
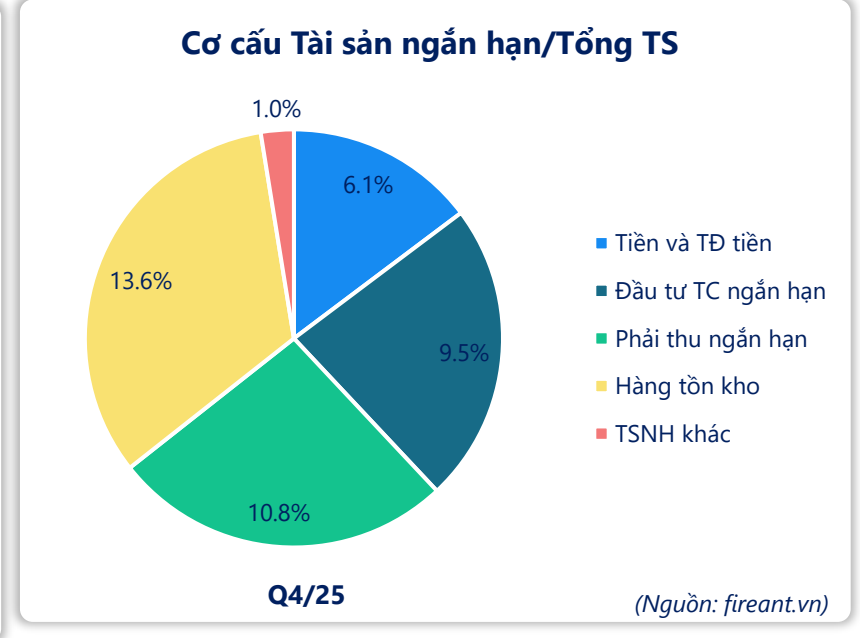
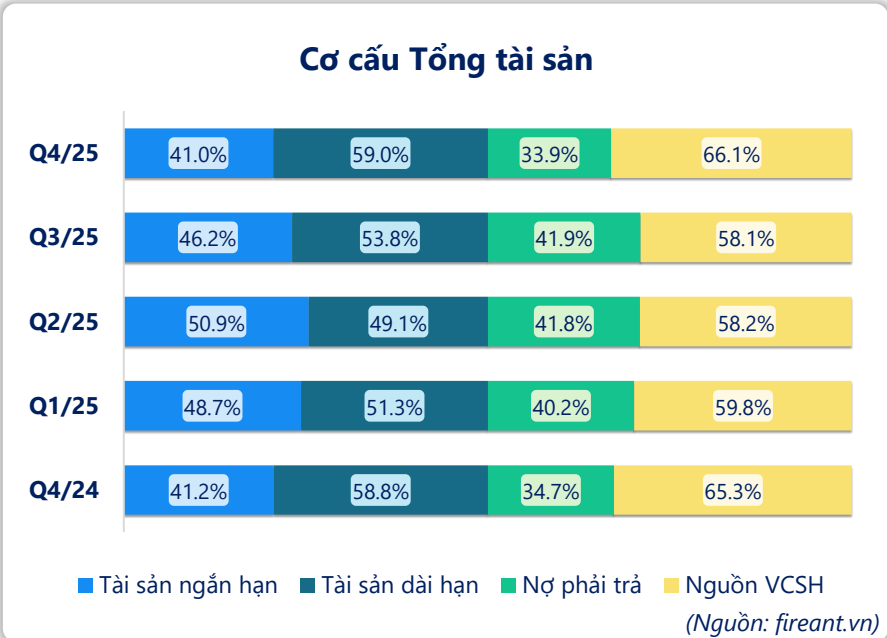
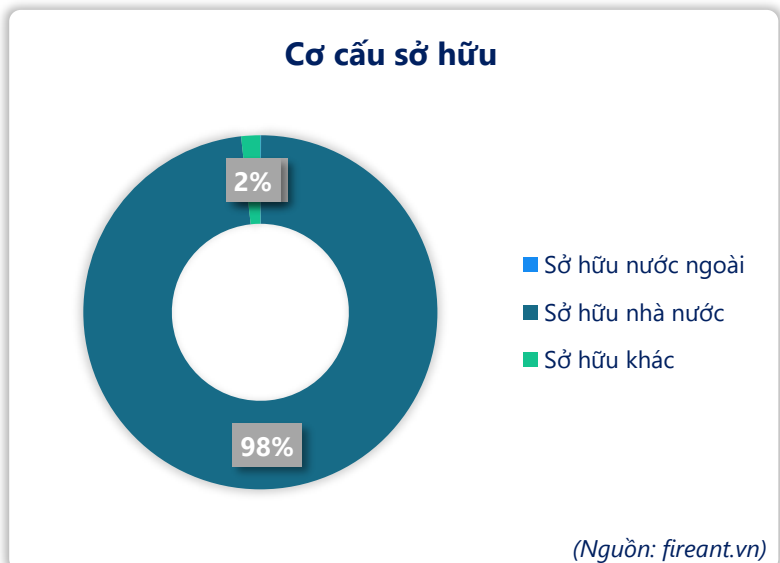
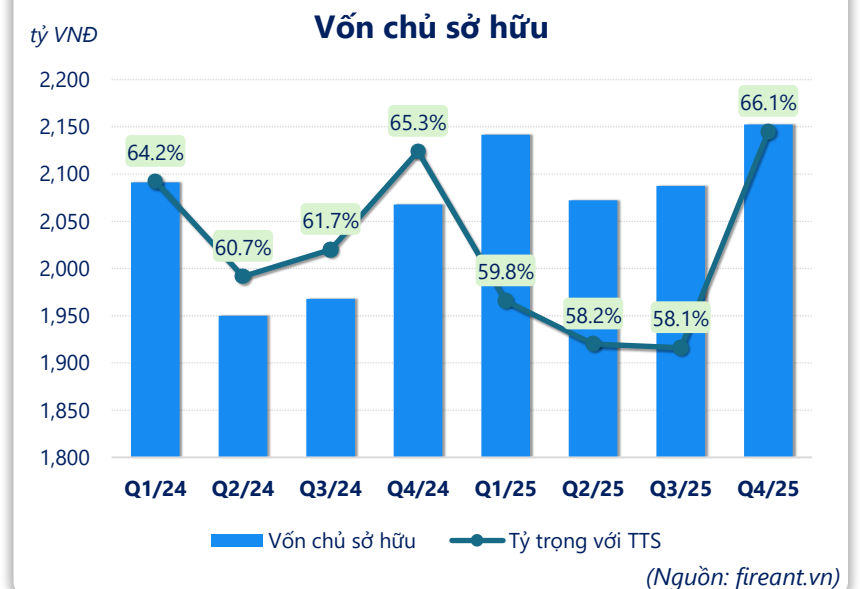
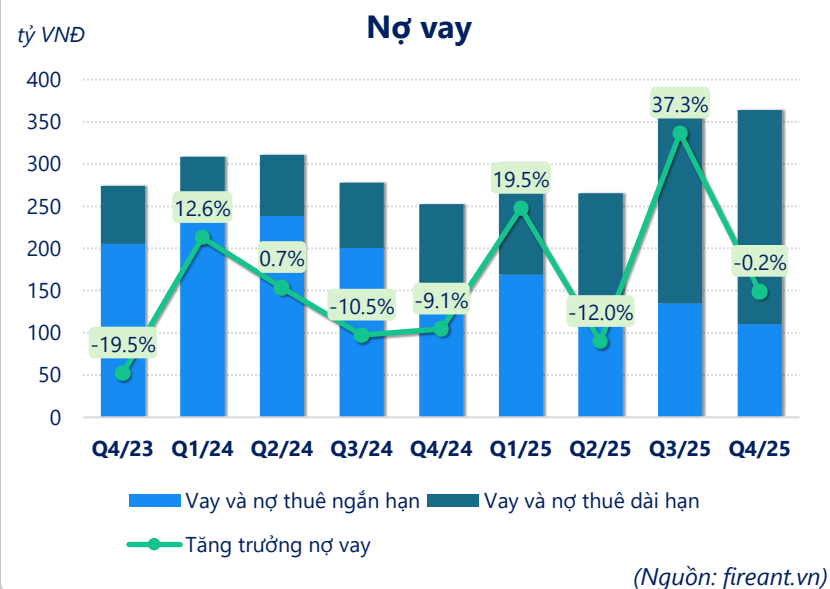
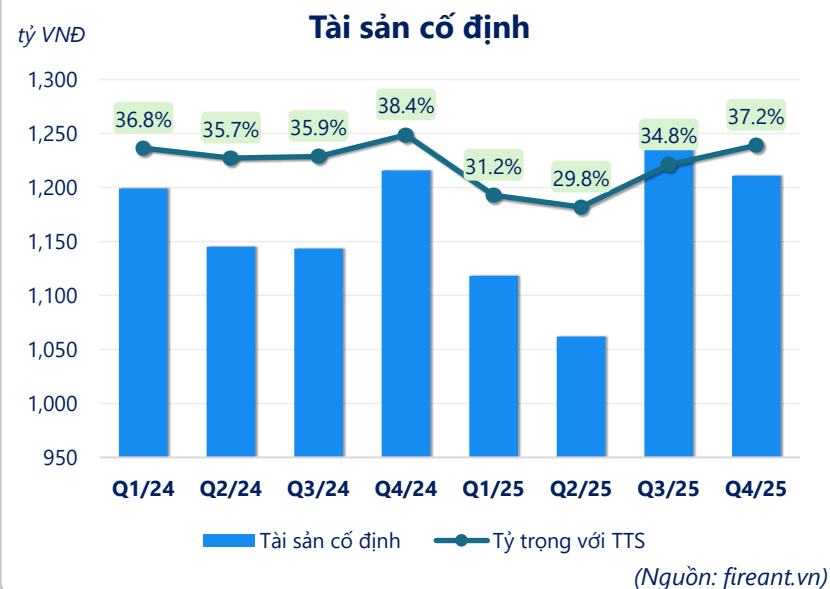
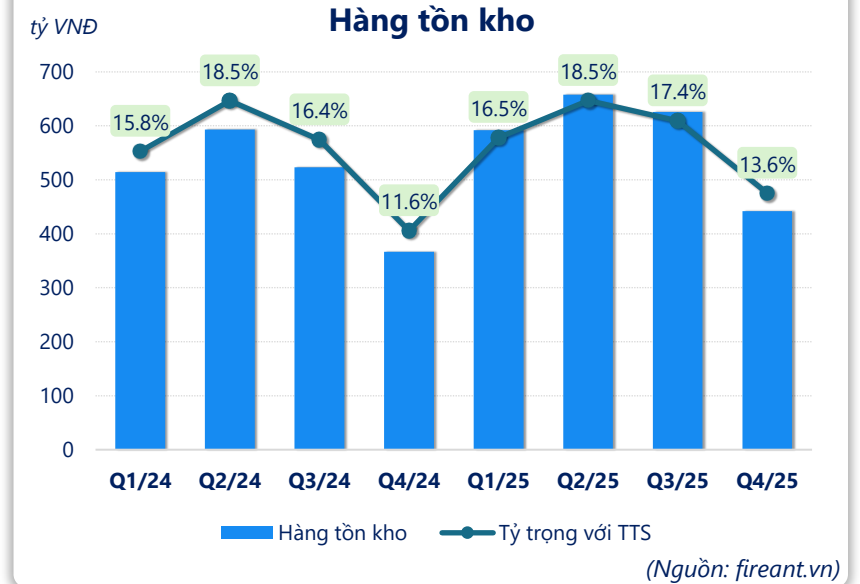
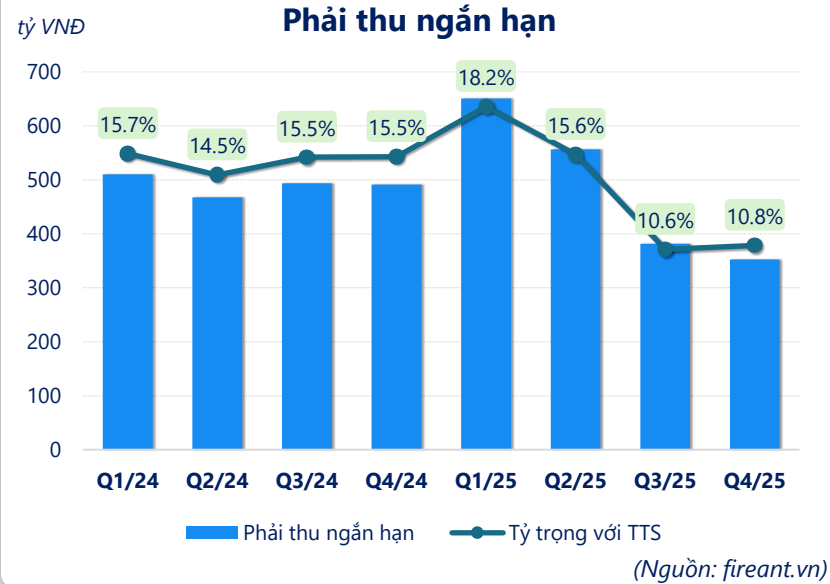
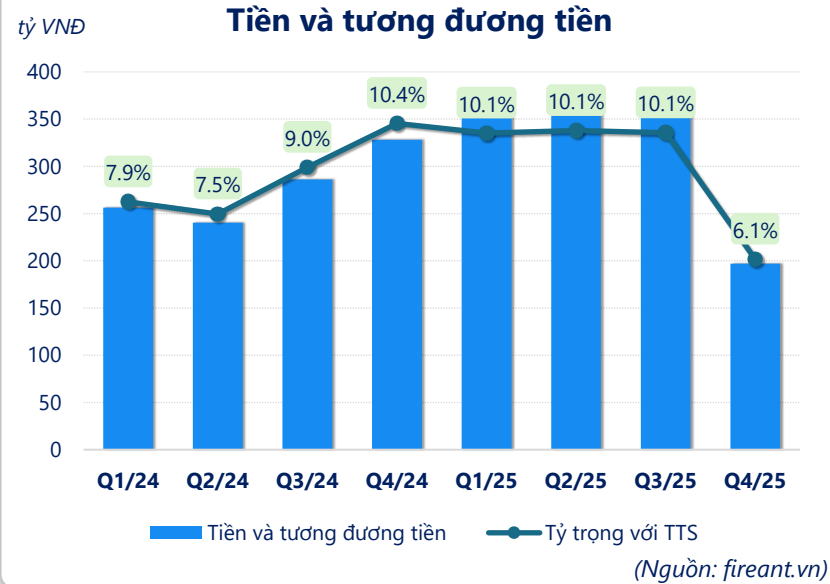
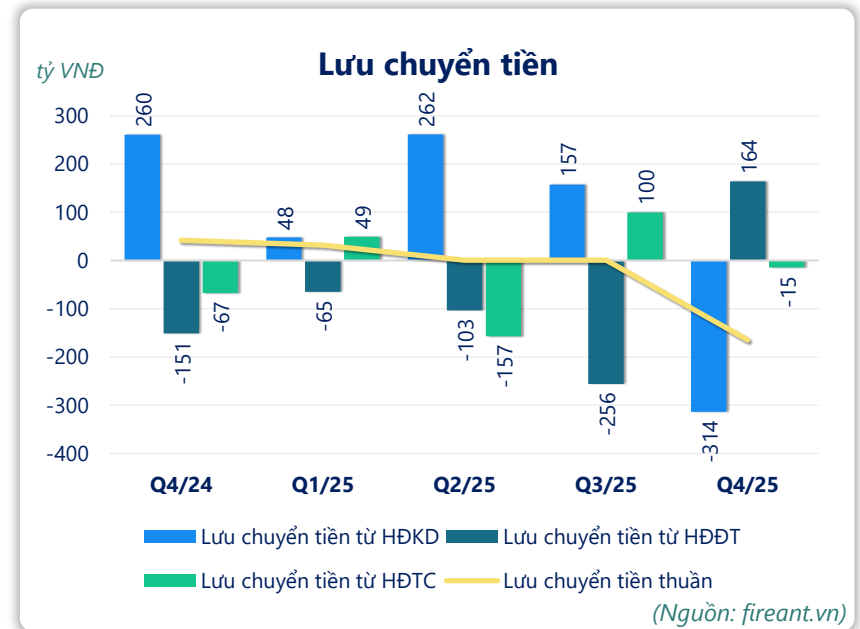
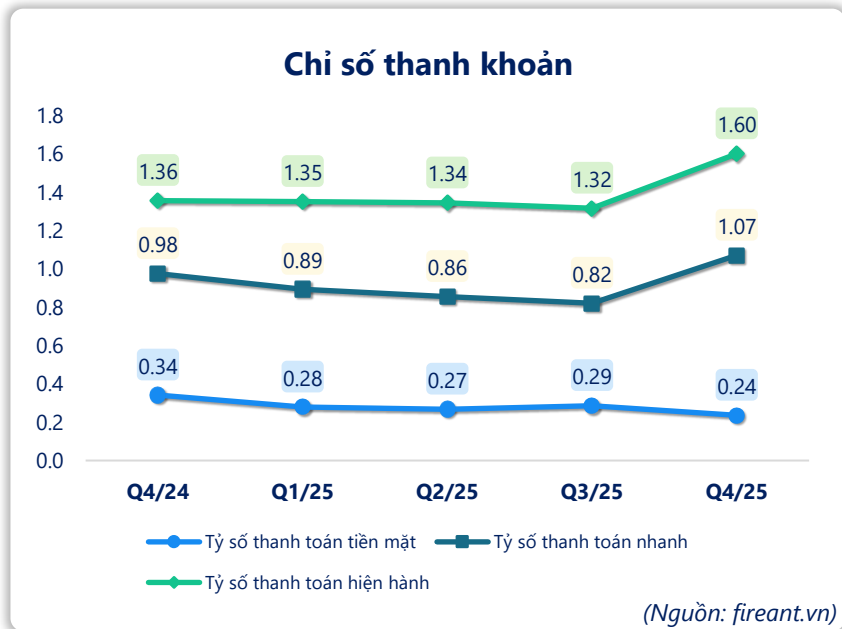
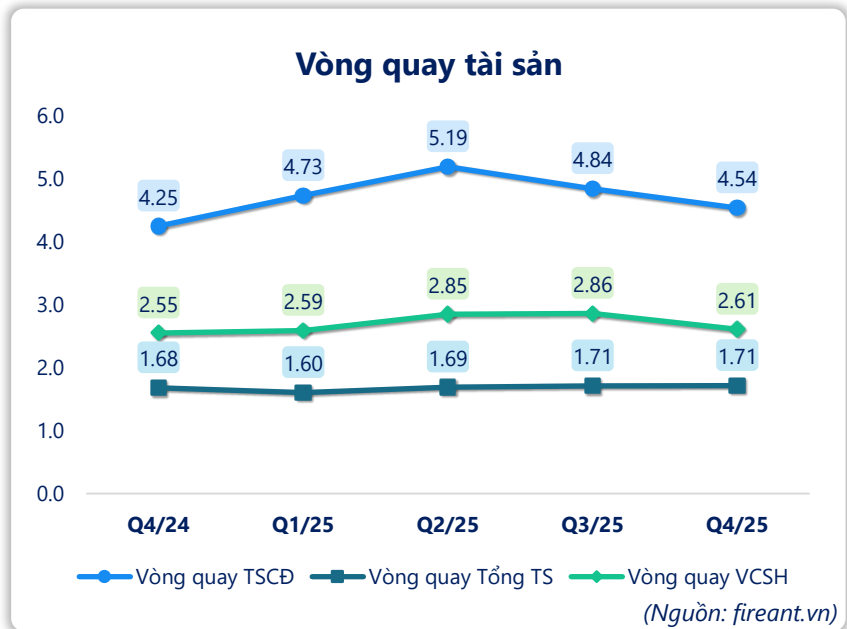
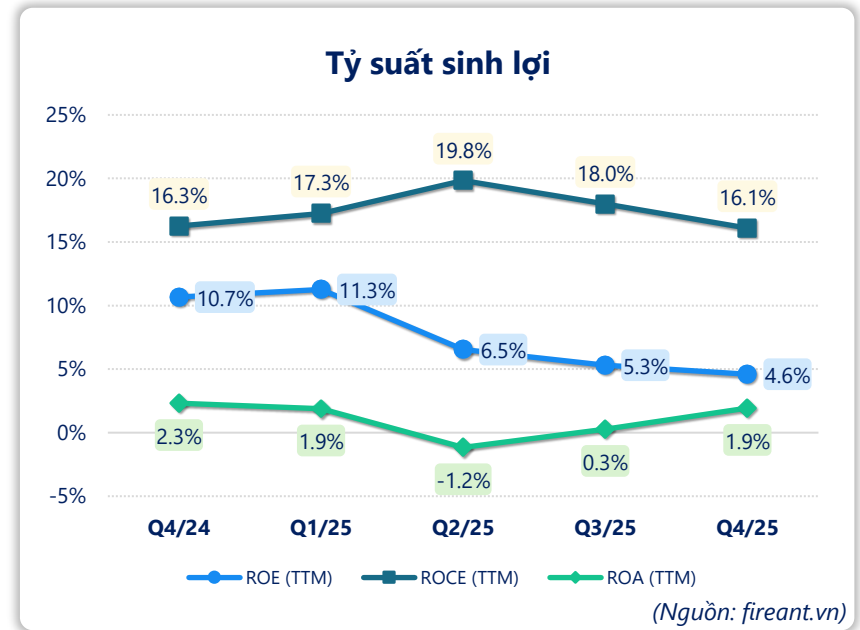
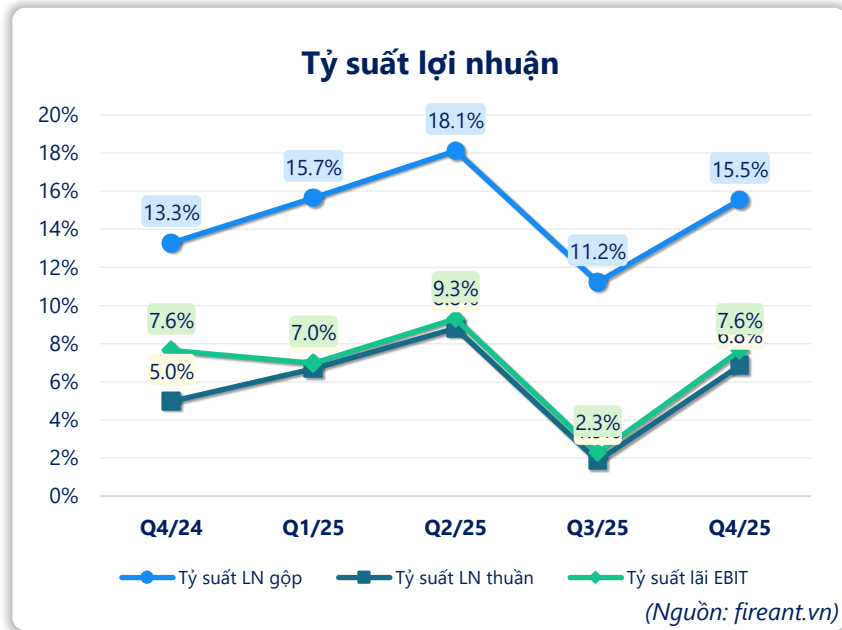
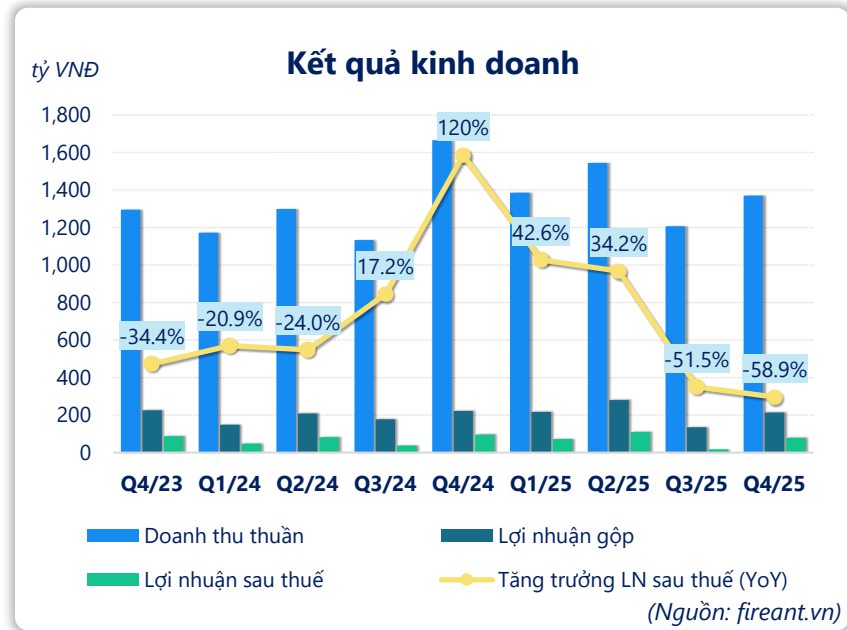


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,245
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,300
SL cổ phiếu LH		105,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,225
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,701
P/E		17.5
EPS		924

	YTD	1T	3T	6T
MVB	-10.5%	-1.8%	-15.6%	-9.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,257	3,164	2.9%
Tài sản ngắn hạn	1,337	1,291	3.6%
Tiền và tương đương tiền	197	328	-39.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	311	101	209%
Phải thu ngắn hạn	353	482	-26.8%
Hàng tồn kho	442	364	21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	34.1	16.8	103%
Tài sản dài hạn	1,921	1,874	2.5%
Phải thu dài hạn	168	146	14.5%
Tài sản cố định	1,211	1,170	3.5%
Bất động sản đầu tư	77.2	81.0	-4.7%
Tài sản dở dang	33.9	17.2	96.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.3	17.5	5.0%
Tài sản dài hạn khác	413	442	-6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,105	1,092	1.2%
Nợ ngắn hạn	835	944	-11.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	122	-9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	292	355	-17.9%
Nợ dài hạn	270	147	83.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	253	131	93.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,152	2,073	3.9%
Vốn chủ sở hữu	2,152	2,073	3.9%
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,666	1,385	1,543	1,206	1,369
Giá vốn hàng bán	1,444	1,168	1,264	1,071	1,156
Lợi nhuận gộp	221	217	280	135	213
Doanh thu HĐTC	4.82	2.36	6.54	5.23	7.21
Chi phí TC	8.10	7.85	8.79	8.46	10.7
Chi phí lãi vay	4.34	4.70	4.51	5.16	6.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.9	25.0	31.9	23.7	28.2
Chi phí QLDN	102	93.6	109	86.2	87.4
LN thuần từ HĐKD	82.8	92.7	136	22.4	93.8
Lợi nhuận khác	40.1	-0.82	3.23	-0.10	3.99
LN trước thuế	123	91.9	139	22.3	97.7
Lợi nhuận sau thuế	95.7	72.5	109	16.7	79.2
LNST của CĐ cty mẹ	72.7	64.6	-39.3	9.57	62.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	260	47.6	262	157	-314
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-151	-64.6	-103	-256	164
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-67.4	49.2	-157	99.8	-14.9
Tiền đầu kỳ	286	328	360	361	362
Lưu chuyển tiền thuần	41.9	32.2	0.67	0.94	-165
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	328	360	361	362	197

(Nguồn: fireant.vn)